

NHỮNG BÀI HỌC KINH NGHIỆM VỀ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN HỆ THỐNG RỪNG ĐẶC DỤNG TẠI VIỆT NAM LIÊN QUAN ĐẾN PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI TRONG 10 NĂM QUA.

Trần Quốc Bảo
Cục Kiểm Lâm

Bố trí hệ thống và Diện tích :

- ❖ Hiện tại có : 92 Khu, với tổng diện tích là 2.123.354 ha, chiếm khoảng 7% diện tích lãnh thổ (còn thấp so với tiêu chuẩn của IUCN). Trong đó gồm :
 - 13 Vườn Quốc gia : 320.759 ha
 - 61 Khu Bảo tồn thiên nhiên : 1.660.996 ha
 - + 48 Khu Dự trữ thiên nhiên : 1.555.547 ha
 - + 13 Khu Bảo tồn loài / Sinh cảnh : 105.449 ha
 - 18 Khu Bảo vệ cảnh quan : 141.599 ha
- ❖ Đề xuất mới : gồm 109 Khu, với tổng diện tích là 2.629.188 ha
- ❖ 70% Khu rừng có diện tích quá nhỏ, không đảm bảo vùng sống cho nhiều loài động vật (đặc biệt là thú lớn).
- ❖ Còn thiếu đại diện của 1 số vùng sinh thái đặc trưng (núi thấp, đất ngập nước, bảo tồn biển, bảo tồn rạn Sanhô).

Về Chính sách :

- ❖ Phải coi chính sách đối với người dân sống trong và xung quanh rừng đặc dụng là chính sách trung tâm trong hệ thống chính sách về rừng đặc dụng, quyết định sự thành công đối với công tác bảo tồn thiên nhiên.
- ❖ Thực hiện giao đất, khoán rừng, tạo công ăn việc làm để người dân có cuộc sống ổn định, quan tâm xây dựng cơ sở hạ tầng (điện, đường, trường, trạm).



SAO LA (*Pseudoryx nghetinhensis*)

- ❖ Phải coi chính sách đối với người dân sống trong và xung quanh rừng đặc dụng là chính sách trung tâm trong hệ thống chính sách về rừng đặc dụng, quyết định sự thành công đối với công tác bảo tồn thiên nhiên.
- ❖ Thực hiện giao đất, khoán rừng, tạo công ăn việc làm để người dân có cuộc sống ổn định, quan tâm xây dựng cơ sở hạ tầng (điện, đường, trường, trạm).
- ❖ Đào tạo và đãi ngộ đối với cán bộ làm công tác bảo tồn thiên nhiên.
- ❖ Nghiên cứu khoa học : phân loại khu bảo tồn ; hệ thống tổ chức quản lý ; vấn đề phân công, phân cấp ; vùng đệm ; du lịch sinh thái ; đa dạng sinh học ; sự tham gia của cộng đồng.

Quản lý rừng đặc dụng:

- ◆ Hiện có 9 Vườn Quốc gia trực thuộc Bộ Nông nghiệp và PTNT và Cục Kiểm Lâm được giao chỉ đạo về chuyên môn nghiệp vụ :
 1. VQG Ba Bể (Bắc Cạn) : 7.610 ha
 2. VQG Ba Vì (Hà Tây) : 7.377 ha
 3. VQG Bạch Mã (Thừa thiên-Huế) : 22.031 ha
 4. VQG Bến En (Thanh Hoá) : 16.634 ha
 5. VQG Cát Bà (Hải Phòng) : 15.200 ha
 6. VQG Cát Tiên (Đồng Nai, Lâm Đồng, Bình Phước) : 73.878 ha
 7. VQG Cúc Phương (Ninh Bình, Hoà Bình, Thanh Hoá) : 22.200 ha
 8. VQG Tam Đảo (Vĩnh Phúc, Thái Nguyên, Tuyên Quang) : 36.883 ha
 9. VQG YokDon (ĐăkLăk) : 58.200 ha
- ◆ 4 Vườn Quốc gia và toàn bộ các khu Bảo tồn thiên nhiên khác đều thuộc sự quản lý của địa phương:
 1. VQG Côn Đảo (Bà Rịa - Vũng Tàu) : 5.998 ha
 2. VQG Tràm chim (Đồng Tháp) : 7.588 ha
 3. VQG Phú Quốc (Kiên Giang) : 31.422 ha
 4. VQG Bái Tử Long (Quảng Ninh) : 15.738 ha
- ◆ Ở Bộ Nông nghiệp và PTNT chưa có một cơ quan đầu mối tập trung giúp Bộ trưởng thống nhất chỉ đạo và quản lý hệ thống rừng đặc dụng. Các Cục, Vụ chức năng thường giải quyết theo lĩnh vực mình phụ trách : kế hoạch, tài chính, xây dựng cơ bản, khoa học kỹ thuật, đào tạo, nghiệp vụ chuyên môn Việc phối hợp không chặt chẽ, không đồng bộ, không kịp thời, gây chậm trễ trong

việc thẩm định các dự án đầu tư, thành lập các khu rừng đặc dụng, tiếp nhận và triển khai các dự án do các tổ chức quốc tế tài trợ.

- ◆ Cần tạo lập cơ chế quản lý hợp lý và thống nhất của các ngành, các cấp trong công tác quản lý hệ thống rừng đặc dụng : từ khâu điều tra, xây dựng dự án đầu tư, thẩm định, phê duyệt, ra quyết định, cấp kinh phí đến chỉ đạo chuyên môn, theo dõi, đánh giá, kiểm tra, xử lý vi phạm.
- ◆ Cơ chế đầu tư thường không ổn định, nguồn kinh phí hạn hẹp chủ yếu dành cho duy trì bộ máy quản lý ở mức thấp. Kinh phí dành cho các hoạt động bảo tồn còn ít ỏi hơn nữa. Hiện còn khoảng 50% khu rừng đặc dụng chưa xây dựng được dự án đầu tư.



- ◆ Quản lý và bảo vệ các khu rừng đặc dụng là vấn đề có tính chất kinh tế xã hội rất phức tạp, đòi hỏi phải có các biện pháp tổng hợp : kinh tế, xã hội, môi trường, thông tin -tuyên truyền - giáo dục, thực thi pháp luật. Đặc biệt coi trọng việc lôi kéo người dân tham gia với trách nhiệm và quyền lợi thật rõ ràng. Vai trò của chính quyền địa phương, nhất là ở cấp cơ sở, phải là người chịu trách nhiệm chính về bảo vệ nguồn tài nguyên thiên nhiên trên vùng lãnh thổ được giao quản lý.
- ◆ Kết hợp hài hoà giữa quản lý theo Ngành với quản lý lãnh thổ bằng những quy định chặt chẽ của pháp luật và vì lợi ích chung của quốc gia.
- ◆ Tăng cường lực lượng làm công tác bảo tồn thiên nhiên cả về số lượng và chất lượng, phải được đào tạo cơ bản (kiến thức, kỹ năng vận động quần chúng, hiểu

biết về pháp luật, thông thạo 1 ngoại ngữ hoặc tiếng dân tộc). Củng cố và kiện toàn tổ chức Kiểm Lâm thành hệ thống thống nhất, được trang bị phù hợp với nhiệm vụ được giao và cần được đãi ngộ thoả đáng.

- ◆ Hợp tác quốc tế có vai trò rất quan trọng trong xây dựng và phát triển hệ thống rừng đặc dụng: tranh thủ sự giúp đỡ về kinh nghiệm, trang thiết bị và tài chính.

(Hội nghị Bàn tròn tại Hà nội, ngày 14/9/2001)